

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày: 22/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Văn Chương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Trung Tính, ông Bùi Văn Nghiệp.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Bùi Mạnh Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên toà:* Bà Mai Lâm Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/HSST, ngày 27/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/HSST- QĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với:

*** Bị cáo: ĐỖ VĂN T**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1994, Nơi cư trú: khu 6, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn D, sinh năm 1958, con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Vợ; Con: chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2021, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Chị Trịnh Thị V, sinh năm 1986 (vắng mặt); **Người được người bị hại ủy quyền:** chị Bùi Thị H, sinh năm 1979. Đều trú tại: xóm C, xã K, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình (ủy quyền giải quyết về vấn đề dân sự). Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Có mặt.

Trú tại: khu 6, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 09/2020, Đỗ Văn T quen biết với chị Trịnh Thị V thông qua mạng xã hội facebook (Đỗ Văn T sử dụng tài khoản “Tung Anh Anh Tung”, chị Trịnh Thị V sử dụng

tài khoản “Thảo Vân Tóc Vi”), sau đó cả hai nhắn tin tình cảm, tìm hiểu nhau. T biết rõ chị V là người đã có gia đình, chồng đang đi xuất khẩu lao động. Sau một thời gian nhắn tin, chị V đề nghị chấm dứt tình cảm và muốn T xóa hết tin nhắn để không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình của chị V, nhưng T nói nếu muốn xóa thì chị V phải trực tiếp xuống Hà Nội gặp T. Do lo sợ nên đến chiều ngày 02/10/2020, hai người hẹn gặp nhau ở bến xe Gia Lâm. Sau khi nói chuyện, T rủ chị V vào nhà nghỉ để xóa tin nhắn, tại đây T và chị V đã có quan hệ tình dục với nhau, trước khi quan hệ tình dục, T đã lén chụp lại các hình ảnh của chị V.

Ngày 03/10/2020, chị V nhắn tin hỏi T đã xóa hết các tin nhắn chưa nhưng T lại gửi hình ảnh T chụp lén chị V trong nhà nghỉ và hình ảnh chụp màn hình clip T quan hệ tình dục với một người phụ nữ khác nhưng T nói là với chị V để chị V không tiếp tục nhắn tin đòi xóa tin nhắn và chấm dứt tình cảm với T nữa. Đến tối ngày 03/10/2020, T gọi video call qua ứng dụng Messenger (facebook) cho chị V và yêu cầu chị V cởi hết quần áo ra, chị V không muốn thì T đăng ảnh của chị V trong nhà nghỉ lên facebook sau đó chụp màn hình gửi cho chị V, do lo sợ nên chị V phải làm theo yêu cầu của T, trong khi cả hai gọi video call cho nhau, T đã chụp lại hình ảnh khóa thân của chị V và gửi cho chị V xem.

Sáng ngày 06/10/2020, chị V tiếp tục hẹn gặp T để đề nghị xóa hình ảnh tại nhà nghỉ, T đồng ý, sau đó cả hai đến nhà nghỉ và có quan hệ tình dục với nhau. Sau khi quan hệ xong, T xóa hình ảnh, tin nhắn và cho chị V kiểm tra điện thoại, sau đó cả hai rời nhà nghỉ đi bộ ra công viên Ngọc Lâm ngồi nói chuyện. Tại đây, T hỏi vay chị V tiền để chuộc xe máy đang cầm cố ở quán, chị V đồng ý và đi rút số tiền **14.000.000** đồng từ tài khoản của mình rồi đưa trực tiếp cho T. Đến chiều ngày 07/10/2020 T tiếp tục hỏi vay chị V **15.000.000** đồng để trả công cho thợ, chị V đồng ý và đã chuyển khoản cho T đủ số tiền 15.000.000 đồng thông qua dịch vụ. Tổng cộng T đã vay của chị V **29.000.000** đồng.

Đêm ngày 11/10/2020 chị V tiếp tục nhắn tin muốn chấm dứt tình cảm với T, T không đồng ý nhưng chị V vẫn tiếp tục đề nghị dùng tiền để chấm dứt tình cảm. Trước thái độ kiên quyết của chị V, T đã soạn bài đăng những hình ảnh chụp chị V trong nhà nghỉ (trước đây T đã xóa nhưng chưa xóa hoàn toàn trong máy), gắn thẻ với tài khoản facebook “Thảo Vân Tóc Vi” của chị V và đăng lên facebook, sau đó T chụp ảnh màn hình gửi lại vào tin nhắn cho chị V, khi nhận được tin nhắn, chị V rất hoang mang lo sợ và đề nghị đưa tiền để T gỡ bài đăng xuống, T yêu cầu chị V phải chuyển cho T **150.000.000** đồng mới đồng ý chấm dứt và gỡ bài đăng xuống, do không có đủ tiền nên chị V xin T giảm xuống mức **100.000.000** đồng, T đồng ý và thỏa thuận sẽ không trả lại số tiền **29.000.000** đồng trước đây đã vay của chị V nữa và yêu cầu chị V phải chuyển ngay vào tài khoản của T số tiền **31.000.000** đồng cho đủ **60.000.000** đồng thì

mới gỡ bài đăng xuống, còn **40.000.000** đồng còn lại T cho chị V nợ đến Tết âm lịch Tân Sửu, trong thời gian chưa đưa đủ tiền cho T thì chị V không được chấm dứt tình cảm mà vẫn phải tiếp tục quan hệ với T bất cứ khi nào T có yêu cầu, chị V đồng ý và đến sáng ngày 12/10/2020, chị V đã đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kim Bôi (Agribank Kim Bôi) chuyển vào tài khoản của T số tiền **30.000.000** đồng. Sau khi nhận được tiền, T báo với chị V đã gỡ bài đăng xuống và yêu cầu chị V chuyển nốt số tiền **1.000.000** đồng còn thiếu cho đủ **60.000.000** đồng nhưng chị V nói trong tài khoản không còn tiền nữa đồng thời cầu xin T thì T mới đồng ý cho nợ và tính gộp vào số tiền còn lại tổng cộng là **41.000.000** đồng.

Sau khi T đăng hình ảnh của chị V lên facebook thì em ruột chị V là Trịnh Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên đã xem được và biết chuyện, T đã yêu cầu chị V gặp T để đòi lại tiền. Đến ngày 14/10/2020, nghe theo lời T nên chị V đã hẹn gặp T để nói chuyện, rồi cả hai vào nhà nghỉ và tiếp tục có quan hệ tình dục còn T đến trình báo tại Công an phường Việt Hưng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Tại đây, chị V không trình báo việc bị T đe dọa chiếm đoạt tài sản mà chỉ trình bày với Công an phường Việt Hưng về việc giữa chị V và T có quan hệ tình cảm với nhau, T có vay tiền của chị V nhưng không trả, đồng thời chủ động xin giải quyết tình cảm do lo sợ chồng và gia đình chồng biết chuyện, do đó Công an phường Việt Hưng đã giải quyết theo đề nghị của chị V. T đã chủ động đưa thẻ ngân hàng của mình cho T để đi rút tiền trả lại cho chị V và đã rút được số tiền **25.000.000 đồng** (trong tổng số tiền **30.000.000** đồng trong tài khoản Agribank của T do chị V chuyển khoản ngày 12/10/2020), còn lại do thiếu tiền nên T đã viết giấy giao chiếc xe mô tô BKS 19L1-267.86 cho chị V quản lý, sử dụng đến khi T có đủ tiền sẽ trả lại và lấy lại xe. Sau khi giải quyết xong tại Công an phường Việt Hưng, T vẫn tiếp tục có hành vi đe dọa chị V, do lo sợ nên chị V đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi trình báo về hành vi của Đỗ Văn T để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đến ngày 23/10/2020 Đỗ Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi bắt, tạm giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi đã tiến hành trích xuất nội dung tin nhắn giữa tài khoản facebook “Thảo Vân Tóc Vi” của chị Trịnh Thị V và “Tung Anh Anh Tung” của Đỗ Văn T, đồng thời tiến hành cho chị V và Đỗ Văn T giải trình về nội dung tin nhắn.

Ngày 28/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi ra quyết định trưng cầu giám định số 04, trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an khôi phục dữ liệu tin nhắn, hình ảnh giữa tài khoản facebook “Thảo Vân Tóc Vi” và “Tung Anh Anh Tung” trên ứng dụng Messenger và khôi phục dữ liệu hình ảnh trên điện thoại di động Oppo A5 của Đỗ Văn T. Tại bản kết luận giám định số 9469/C09-P6

ngày 03/02/2021 của Phòng giám định kỹ thuật số và điện tử Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tìm thấy 1.054 tin nhắn trong ứng dụng Messenger giữa tài khoản facebook “Thảo Vân Tóc Vi” và “Tung Anh Anh Tung”; Tìm thấy 154 tệp ảnh tại thời điểm ngày 02/10/2020 và ngày 04/10/2020. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi đã tiến hành mở đĩa CD-R chứa dữ liệu giám định, Đỗ Văn T đã xác định có 05 hình ảnh của chị Trịnh Thị V do T chụp lên trong nhà nghỉ và 01 hình ảnh chụp màn hình bài đăng lên mạng xã hội facebook, những hình ảnh trên được T sử dụng để đe dọa chị V.

- Về vật chứng vụ án và việc xử lý đối với vật chứng:

Những vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi để bảo quản trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, vỏ màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 132508295 mang tên Đỗ Văn T; 01 thẻ ngân hàng Agribank, số thẻ: 9704050925699543 mang tên Do Van Tung (tạm giữ của Đỗ Văn T).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đỏ đen trắng, BKS: 19L1-267.86, xe cũ đã qua sử dụng (do chị Trịnh Thị V giao nộp).

Những vật chứng đã được Cơ quan điều tra trả lại trong quá trình điều tra gồm:

+ Số tiền 2.185.000 đồng tạm giữ của Đỗ Văn T khi bắt, giữ khẩn cấp. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là của bà Nguyễn Thị T, mẹ đẻ của Đỗ Văn T do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Tòng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1601, vỏ màu trắng, phía trước màn hình góc phải có vết nứt rạn, vỡ, máy cũ đã qua sử dụng, do chị Trịnh Thị V tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trịnh Thị V.

Bản cáo trạng số: 25/CT- VKSKB ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt Đỗ Văn T từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ bị cáo) và đại diện bị hại đã thỏa thuận, thống nhất giải quyết xong với nhau về vấn đề dân sự. Người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo phải hoàn

trả số tiền đã thanh lý hợp đồng và số tiền thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Do vậy, đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tuyên: Tịch thu, phát mai sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, vỏ màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 132508295 và 01 thẻ ngân hàng Agribank số thẻ 9704050925699543; Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 19L1-267.86, do bà Nguyễn Thị T đã bỏ ra thanh lý hợp đồng mua xe cho bị cáo, đồng thời tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đề nghị giao lại xe cho gia đình sử dụng nên đề nghị trả lại cho bà Nguyễn Thị T.

Bị cáo Đỗ Văn T nhất trí nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm. LỜI SAU CÙNG BỊ CÁO XIN GIẢM NHẸ HÌNH PHẠT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra công an huyện Kim Bôi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Ngày 12/10/2020, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Đỗ Văn T đã sử dụng tin nhắn và hình ảnh nhạy cảm của chị Trịnh Thị V để uy hiếp tinh thần và chiếm đoạt số tiền 59.000.000 đồng của chị Trịnh Thị V. Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội Cường đoạt tài sản tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] *Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo:* Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng thủ đoạn đe dọa đăng ảnh nhạy cảm của người khác lên mạng xã hội nhằm uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Nhưng vì bản tính lười lao động, nhưng lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị

an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xét xử nghiêm minh và quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tích cực tác động đến mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho chị V số **34.000.000** đồng và đã bồi thường xong. Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử có thể xem xét áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại Trịnh Thị V yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 80.000.000 đồng trong đó gồm 34.000.000 đồng là tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại và 46.000.000 đồng là tiền bồi thường tổn hại về tinh thần, sức khỏe. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tích cực tác động đến mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T thỏa thuận thống nhất mức bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại số 34.000.000 đồng và đã bồi thường xong. Đối với số tiền 46.000.000 đồng là tiền bồi thường tổn hại về tinh thần, bị hại Trịnh Thị V và người đại diện không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 24.400.000 đồng mà bà Nguyễn Thị T (mẹ bị cáo T) bỏ ra để thanh lý hợp đồng mua trả góp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 19L1-267.86 cho Đỗ Văn T và số tiền 34.000.000đ bà Tòng đã bồi thường thay cho bị cáo, bà Tòng có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền này nên HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng:

Đối với xe mô tô Honda AirBlade BKS 19L1-267.86: HĐXX xét thấy bà Tòng là mẹ đẻ bị cáo T đã bỏ ra số tiền 24.400.000 thanh lý hợp đồng mua xe cho Đỗ Văn T, bà

Tồng có ý kiến đề nghị HĐXX trả lại xe do vậy HĐXX trả lại xe mô tô Honda AirBlade BKS 19L1-267.86 cho bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, vỏ màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 132508295, 01 thẻ ngân hàng Agribank, số thẻ: 9704050925699543 mang tên Đỗ Văn T cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Đỗ Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 23/10/2020.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, đại diện của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T chiếc xe mô tô Honda AirBlade BKS 19L1-267.86 ; Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 132508295 và 01 thẻ ngân hàng Agribank, số thẻ: 9704050925699543 mang tên Đỗ Văn T.

Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, vỏ màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng.

(Tất cả các vật chứng có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND H.Kim Bôi;
- Công an H.Kim Bôi;
- THA Hình sự (02 bản);
- Chi cục THADS H.Kim Bôi;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bị hại; Người được người bị hại ủy quyền;
- Lưu HS + VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngô Trung Tính Bùi Văn Nghiệp

Bùi Văn Chương

